

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-3-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Doãn Hà.

Bà Lương Thị Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Đ, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Anh Dương Phúc T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại đội 1, khu L, Trại giam S, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Đ kết hôn với anh Dương Phúc T có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau

không bị ai ép buộc và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn chị Đ và anh T vẫn chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị Đ phát hiện anh T nghiện ma túy và thường xuyên đánh cò bạc, không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng xảy ra cãi vã dẫn đến xô xát, chị Đ và gia đình đã khuyên bảo anh T từ bỏ ma túy nhưng không được. Đến tháng 12/2023 anh T bị Công an huyện A, thành phố Hải Phòng bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 5/2024, anh T bị Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Đội 1, khu L, trại giam S, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An. Từ khi anh T bị bắt tình cảm vợ chồng cũng nhạt dần, nay chị Triệu Thị Đ xác định không còn tình cảm với anh T, chị Triệu Thị Đ yêu cầu xin được ly hôn với anh Dương Phúc T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Trí Đ1, sinh ngày 28/6/2017. Khi ly hôn, chị Triệu Thị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 30 tháng 12 năm 2024, anh Dương Phúc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Phúc T kết hôn với chị Triệu Thị Đ vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, hai người được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên đánh bạc, không tu chí làm ăn, đầu tháng 12/2023, anh T bị Công an huyện A, thành phố Hải Phòng bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay đang chấp hành án tại Đội 1, khu L, trại giam S, xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng với chị Đ không còn, anh Dương Phúc T đồng ý ly hôn với chị Triệu Thị Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Trí Đ1, sinh ngày 28/6/2017. Khi ly hôn, anh Dương Phúc T nhất trí để chị Triệu Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ1 đến khi trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Toà án đã tiến hành lấy lời khai nguyện vọng của cháu Dương Trí Đ1 khi chị Triệu Thị Đ và anh Dương Phúc T ly hôn, cháu Dương Trí Đ1 trình bày có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Triệu Thị Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận

đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Dương Phúc T vắng mặt tại Tòa án do đang chấp hành án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Đ. Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Trí Đ1, sinh ngày 28/6/2017, đề nghị giao con chung cho chị Triệu Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Dương Phúc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí, buộc nguyên đơn chị Triệu Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Triệu Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Dương Phúc T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Bị đơn anh Dương Phúc T vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án, đã có bản tự khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Phúc T là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Đ và anh Dương Phúc T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B ngày 28/02/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị Đ và anh Dương Phúc T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn và nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Chị Triệu Thị Đ và anh Dương Phúc T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử thấy cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ chị Triệu Thị Đ và anh Dương Phúc T đều trình bày có một người con chung tên là Dương Trí Đ1, sinh ngày 28/6/2017. Tại các bản khai và tại phiên tòa chị Triệu Thị Đ yêu cầu được nuôi con, anh Dương Phúc T tại bản tự khai cũng nhất trí giao con chung cho chị Triệu Thị Đường Đ2 trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Trí Đ1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Triệu Thị Đ, nên giao con chung cho chị Triệu Thị Đường Đ2 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp, anh Dương Phúc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Triệu Thị Đường K yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Triệu Thị Đ và anh Dương Phúc T đều trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Triệu Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Đ. Chị Triệu Thị Đường Đ2 ly hôn với anh Dương Phúc T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trí Đ1, sinh ngày 28/6/2017 cho chị Triệu Thị Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Dương Phúc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Dương Phúc T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo

biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004113 ngày 28/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Dương Phúc T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức